

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **183/2022/HS-PT**

Ngày 18 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Ông **Võ Minh Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: **116/2022/HS-PT** ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trương Vĩnh T1 cùng các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Vĩnh T1 (tên gọi khác: **Hìn**); sinh ngày 09 tháng 02 năm 1991; tại: huyện P, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D (SN: 1964) và bà Nguyễn Thị H (SN: 1966); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 18/4/2008, Công an huyện P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 175.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 19/7/2009, Công an huyện P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 350.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 14/02/2012, Tòa án huyện P xử phạt 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Ngày 21/11/2017, TAND huyện P, tỉnh Quảng Nam ra quyết định số 05/2017/QĐ - TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng (chấp hành xong ngày 23/01/2018).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/02/2021, hiện đang tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Thanh D; sinh ngày 27 tháng 7 năm 1994; tại: huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T (SN: 1964) và bà Mai Thị L (SN: 1973); tiền án: không,

Tiền sự: Ngày 16/01/2019 TAND huyện P, tỉnh Quảng Nam ra quyết định số 02/2019/QĐ - TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/3/2021, tạm giam từ ngày 10/3/2021, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành L (tên gọi khác: Tý Thương); sinh ngày 21 tháng 4 năm 1993; tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Khối S, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành K (chết) và bà Nguyễn Thị T (SN: 1965); tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 09/8/2018, TAND thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đã chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2019;

Nhân thân: Ngày 10/4/2014, Công an Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 29/7/2014, UBND phường Thanh Hà, thành phố H xử lý vi phạm hành chính bằng giáo dục tại phường về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 25/02/2015, Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”. Ngày 19/9/2016, Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 09/11/2016, Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 16/01/2017, UBND phường T, thành phố H xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức giáo dục tại phường, thời hạn 03 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 26/4/2017, TAND thành phố H, tỉnh Quảng Nam ra quyết định số 02/2017/QĐ - TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 23/01/2018;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/4/2021, hiện đang tạm giam; có mặt.

4. Lê Hoàng S; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1992; tại: huyện P, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Em (SN: 1964) và bà Ngô Thị Thu (SN: 1965); tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 24/4/2020 TAND huyện P, tỉnh Quảng Nam ra quyết định số 02/2020/QĐ - TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng;

Nhân thân: Ngày 18/4/2008, Công an huyện P, Quảng Nam, xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 175.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 27/6/2016, Công an huyện P, Quảng Nam, xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Bị bắt tạm giam ngày 26/02/2021, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng giữa tháng 01 năm 2021, Đặng Văn T có mua một chiếc xe máy hiệu Honda Vario 150 (không nhớ BKS, xe không có giấy tờ) với giá 25.000.000 đồng rồi rao bán trên mạng xã hội Facebook với giá 26.000.000 đồng. Vì xe không có giấy tờ nên T hẹn người mua giao dịch dưới gầm cầu B, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, giao dịch diễn ra nhanh chóng vì lo sợ bị phát hiện nên T không kiểm tra kỹ số tiền khách trả. Về đến phòng trọ đếm lại T phát hiện trong tổng số tiền 26.000.000 đồng mà người mua xe đưa cho T có 16 tờ tiền giả, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng, tổng giá trị tương ứng là 8.000.000 đồng, loại tiền Việt Nam đồng, có các số seri khác nhau. Sau khi phát hiện tiền giả, T cất giữ riêng trong ví tiền của mình.

Vào tối ngày 21/01/2021, Trương Vĩnh T1 sử dụng tài khoản Facebook của T1 mang tên “*Hìn Trương*” kết bạn qua mạng xã hội Facebook với tài khoản Facebook “*T Nguyễn Kayti*” của T. Quá trình nói chuyện thông qua mạng xã hội Facebook, T hứa cho T1 5.000.000 đồng tiền giả nên T1 đề nghị T chuyển số tiền giả nêu trên cho T1 qua đường Bưu điện nhưng T không đồng ý và yêu cầu T1 cho người đến nhận trực tiếp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 sử dụng tài khoản Facebook trên của T1 liên lạc qua ứng dụng Messenger với tài khoản Facebook mang tên “*D*” của Nguyễn Thanh D (đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh) và nhờ Dân nhận giúp số tiền giả trên mang về thị trấn K, huyện P giao cho T1 và D đồng ý. T1 gửi số điện thoại của D là 0931093190 cho T để liên lạc và gửi số tiền giả trên cho D. Sau đó, T sử dụng số điện thoại 0859799597 gọi vào số điện thoại trên của D, hẹn D đến thành phố Thủ Đức để giao nhận tiền giả nhưng do D bận việc nên không giao nhận tiền giả ngay được. Sau đó, T lấy 10 tờ tiền giả trong số 16 tờ tiền giả nêu trên, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng và bóc lớp nilon bên ngoài của 10 tờ tiền giả này. Quá trình T bóc lớp nilon các tờ tiền giả trên thì có 02 tờ bị rách nên T vứt bỏ tại một con đường (không rõ địa điểm), còn lại 8 tờ tiền giả thì T bỏ vào phong bì bằng giấy và dán miệng bì lại.

Khoảng 19 giờ ngày 23/01/2021, T điện thoại cho D hỏi địa chỉ đang cư trú của D để T đến đưa tiền giả cho D mang về cho T1. T sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “*T Nguyễn Kayti*” (đã đổi tên tài khoản là “*Thiên Tỵ*”) kết bạn qua tài khoản Zalo của D mang tên “*Nguyễn Thanh D*” và đề nghị D chia sẻ vị trí theo định vị trên điện thoại để T2 biết địa chỉ. Dân làm theo đề nghị của T2. Khi biết được địa chỉ của D thì T2 đến đưa cho Dân 01 phong bì, bên trong chứa 08 tờ tiền

giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng. Dân nhận phong bì có chứa tiền giả trên và đi vào nhà, còn T2 đi về phòng trọ của T2. Khi vào đến phòng ngủ D mở phong bì trên, kiểm tra thấy bên trong có 08 tờ tiền giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, tổng giá trị tương ứng 4.000.000 đồng. Dân gọi điện thoại nói cho T1 biết và lấy ra trong số đó một tờ tiền giả chụp hình và quay video thể hiện hình ảnh tờ tiền giả này, gửi cho T1 qua ứng dụng Messenger, rồi Dân bỏ tờ tiền này lại trong phong bì và cất giữ số tiền giả này trong balo của Dân, T1 lấy đoạn video mà D đã quay gửi lại qua ứng dụng Messenger cho T2 và nhắn tin cho T2 biết là tiền xấu. T2 nói với T1 về số tiền giả mà T2 gửi cho Dân là tiền giả loại 2, loại 1 thì đẹp hơn.

Ngày 01/02/2021, Dân mang số tiền giả trên đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về thị trấn K, huyện P. Lúc này, T1 và Lê Hoàng S đang ngồi chơi tại nhà Nguyễn Văn P (thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn K) nhưng ông P không có ở nhà. T1 biết được D đã về đến thị trấn K, huyện P nên điện thoại và đề nghị Đến nhà ông P để giao tiền giả cho T1. Sau đó, D đến và đưa cho T1 một phong bì, T1 mở phong bì, lấy số tiền giả xòe ra và cùng với S, D xem số tiền giả này. Lúc này, S xin T1 01 tờ tiền giả thì T1 đồng ý. Số tiền còn lại 07 tờ tiền giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, T1 bỏ vào trong ví tiền của T1.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S ngồi nhậu với Nguyễn Thái N tại quán nhậu vỉa hè của bà Lê Thị Kim A (tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam), S lấy tờ tiền giả mà T1 đã cho S trước đó ra nói với Ng là “*Thằng Hin mới cho em tờ tiền giả*” rồi đưa tờ tiền giả này cho N xem. Sau khi xem xong tờ tiền giả, N nói với S là “*Mi đừng tiêu tờ tiền giả ni, công an bắt đó*” và vứt tờ tiền giả xuống đất.

Vào trưa ngày 03/02/2021, Trương Vĩnh T1 về dự đám tang bà nội tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì gọi điện thoại cho Nguyễn Thành L (*là bạn quen biết trước đây khi đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam*) qua số điện thoại 0775542047 hỏi L có lấy tiền giả tiêu không thì L đồng ý. T1 hẹn L gặp nhau tại cổng trường trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu (*thôn T, xã B, huyện T*) để giao nhận tiền giả. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô, loại xe Wave Trung Quốc, màu đỏ (*thuộc sở hữu của bà Ngô Thị Th là mẹ đẻ của L*) đến địa điểm như đã hẹn trước, T1 có lấy 04 tờ tiền giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, có giá trị tương ứng 2.000.000 đồng đưa cho L. Sau khi nhận 2.000.000 đồng tiền giả từ T1 thì L mang đến ngã tư Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn liên hệ với người đàn ông tên Đầu (không rõ lai lịch) để mua ma túy rồi mang về phân chia thành hai phần, một phần L sử dụng, phần còn lại thì để cho T1. Ngày hôm sau, L sử dụng qua tài khoản Facebook của L mang “*người mua vui*” nhắn tin với T1 qua tài khoản Facebook tên “*Hin Trương*” và báo lại cho T1 biết đã tiêu được số tiền giả mà T1 đã đưa cho L. T1 nhắn tin nói với L sau khi lo xong đám tang của bà nội T1 thì mang số ma túy đá đến đưa cho T1 và hỏi L có lấy thêm tiền giả không, L trả lời là có. T1 hứa cho L thêm 02 tờ tiền giả và hẹn L sau khi đám tang bà nội của T1 xong sẽ đưa. Đến 9 giờ 30 phút ngày 06/02/2021, T1 nhắn tin cho L, yêu cầu L đến ngã tư Hà Lam lấy tiền giả. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L thuê xe ô tô chạy dịch vụ Grab đi từ thành phố H đến ngã tư Hà Lam. T1 tiếp tục giao cho L 02 tờ tiền giả, mỗi tờ

mệnh giá 500.000 đồng, có giá trị tương ứng 1.000.000 đồng. Khi về đến nhà, L liên hệ với người đàn ông tên Đầu (không rõ lai lịch) mua ma túy về để sử dụng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/02/2021, T1 gọi điện thoại rủ S đến quán cà phê Hương Cau (*thuộc tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P*) để uống cà phê. Lúc này, T1 nói với S là còn 01 tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng và bảo S cầm tiền này đi mua ma túy về để sử dụng. S cất tờ tiền này vào túi quần, sau đó cả hai về nhà. Khi về đến nhà, S lấy tờ tiền ra xem, rồi lấy xe mô tô, nhãn hiệu Piaggio Liberty, màu ghi, mang biển kiểm soát: 92P1- 041.89 điều khiển xe đến cửa hàng xăng dầu M (*tổ dân phố số 1, thị trấn K, huyện P*) để tiêu thụ tờ tiền giả trên bằng hình thức mua 30.000 đồng tiền xăng. S đưa cho chị Cụt Thị T3 (là nhân viên bán xăng) một tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng để thanh toán rồi nhận lại số tiền thối là 470.000 đồng tiền thật. Sau khi nhận tiền xong, S điều khiển xe mô tô trên rời khỏi cửa hàng xăng dầu rồi đi mua card điện thoại Viettel với giá tiền 100.000 đồng, mua ma túy đá của một người đàn ông lạ mặt ở thị trấn K với giá tiền 300.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền còn lại.

Ngay sau khi S vừa rời khỏi cửa hàng xăng dầu M thì nhân viên bán xăng kiểm tra lại tờ tiền thì phát hiện và nghi ngờ tờ tiền mà S mua xăng là tiền giả nên báo cho chị Ngô Trang Anh T4 (*là quản lý cửa hàng xăng dầu M*) biết. Sau đó, chị T4 làm đơn trình báo sự việc cho Công an huyện P, đồng thời giao nộp cho Công an huyện P tờ tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng cùng dữ liệu hình ảnh bán xăng cho S từ camera an ninh của cửa hàng xăng dầu M. Sau khi biết sự việc lưu hành tiền giả bị phát hiện, S mang 500.000 đồng đến trả lại cho cửa hàng xăng dầu M.

Sau khi xảy ra sự việc lưu hành tiền giả bị phát hiện, T1 gọi điện thoại nói cho T2 biết thì T2 rút 06 tờ tiền giả còn lại, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, có tổng giá trị tương ứng 3.000.000 đồng vào trong một đồng rác nhỏ đang cháy dở tại một con đường (không rõ tên đường và địa điểm cụ thể) tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản kết luận giám định số: 20/PC09 ngày 25/02/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có số seri YP 18753436 là tiền giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S và Nguyễn Thành L, phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả*”; bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển tiền giả*”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Trương Vĩnh T1 03 (Ba) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/02/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 03 (Ba) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/4/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 02 (Hai) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 04/3/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng S: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn T2; tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S, Nguyễn Thành L và D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/7/2022 và ngày 07/7/2022, các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S có đơn xin rút T1 bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành L có đơn xin rút T1 bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trước khi xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S và Nguyễn Thành L đều rút kháng cáo; việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo T1, S, L theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển tiền giả*” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh D; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo D không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thanh D, Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S, Nguyễn Thành L có đơn rút T1 bộ kháng cáo. Xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo T1, S, L theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh D khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết; xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội của các đồng phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận: Vào tối 21/01/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, T2 hứa cho Trương Vĩnh T1 5.000.000 đồng tiền giả và yêu cầu T1 cho người đến nhận trực tiếp. T1 nhờ D nhận giúp số tiền giả trên mạng về thị trấn K, huyện P giao cho T1 thì D đồng ý. Vào ngày 23/01/2021, T2 đến đưa cho D một phong bì, bên trong có 08 tờ tiền giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, tổng giá trị tương ứng 4.000.000 đồng. Ngày 01/02/2021, D mang 4.000.000 đồng tiền giả về thị trấn K, huyện P giao cho T1. Căn cứ kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam đã kết luận 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có số seri YP 18753436 là tiền giả. Do đó, bản án sơ thẩm hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D về tội “Tàng trữ, vận chuyển tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự như là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh D thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thanh D là người đang có tiền sự, nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đã thể hiện sự coi thường pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét đúng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 02 năm tù là có chiều cố, không nặng và đảm bảo nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong vụ án có đồng phạm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo D; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S, Nguyễn Thành L đã rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Thanh D do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm g và điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm a, đ khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S, Nguyễn Thành L; phần hình phạt đối với các bị cáo tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam, có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh D; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh D 02** (Hai) năm tù về tội “*Tàng trữ, vận chuyển tiền giả*”; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (Ngày 04/3/2021).

3. Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Vĩnh T1, Lê Hoàng S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thanh D phải chịu **200.000 đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Cẩm

